

PHÉP CỘNG CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 1 000

(3 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện phép tính cộng có nhớ trong phạm vi 1 000.
- Cùng cố ý nghĩa của phép cộng, tên gọi các thành phần trong phép cộng, vận dụng vào giải quyết vấn đề dẫn đến phép cộng.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+).
- Bước đầu làm quen cách tính nhanh.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

HS: 2 thẻ trăm, 5 thẻ chục và 10 khối lập phương.

GV: 3 thẻ trăm, 11 thẻ chục và 14 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Trò chơi: TÌM BẠN

GV cho HS viết số vào bảng con (mỗi em tự chọn một số bất kì từ 1 đến 9).

GV cho HS tìm bạn để hai số cộng lại bằng 14.

Hai bạn nào tìm được nhau sớm nhất thì thắng cuộc.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Xây dựng biện pháp cộng có nhớ trong phạm vi 1 000

Có thể tiến hành theo trình tự sau:

– GV phổ biến nhiệm vụ:

- Áp dụng cách đặt tính đã học, thực hiện các phép tính $229 + 5$ và $254 + 163$.
- Giải thích “nhớ 1”, “thêm 1”.

– GV có thể vận dụng phương pháp các mảnh ghép, cho HS thảo luận nhóm đôi (mỗi nhóm thực hiện một phép tính, sau đó chia sẻ cùng nhau).

– HS trình bày trước lớp, các em có thể giải thích bằng các cách khác nhau:

- Dùng các thẻ trăm, thẻ chục và các khối lập phương để hỗ trợ.
- Có thể giải thích trên phép tính (đọc) đã thực hiện.

* GV giới thiệu biện pháp tính

Để thực hiện phép cộng $229 + 5$ ta có thể làm như sau:

- **Đặt tính:** viết số 229 rồi viết số 5 sao cho các chữ số đơn vị thẳng cột với nhau, viết dấu cộng, kẻ vạch ngang.
- **Tính** từ phải sang trái

$$\begin{array}{r} 229 \\ + 5 \\ \hline 234 \end{array}$$

5 cộng 9 bằng 14, viết 4, **nhớ 1**.
2 **thêm 1** bằng 3, viết 3.
Hạ 2, viết 2.

Vậy $229 + 5 = 234$.

(Các thao tác trên, GV vừa nói vừa viết)

Cho vài HS **nêu** lại cách thực hiện phép cộng như trên.

– **Kiểm tra**

Cả lớp cùng **đếm** theo trăm, chục trên các khối lập phương và đếm tiếp các khối lập phương rồi để khẳng định kết quả đúng.

Với phép tính $254 + 163$ có thể thực hiện theo trình tự:

- HS đặt tính rồi tính.
- Dùng ĐDHT kiểm chứng kết quả.

Lưu ý: GV giải thích tại sao lại “nhớ 1” trong quá trình tính.

2. Thực hành

HS thực hành theo nhóm đôi.

Hoặc GV nêu lần lượt từng phép tính cho HS thực hiện trên bảng con.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– **Tìm hiểu** bài.

- Yêu cầu của bài là gì? (**Số?**)
- Tìm thế nào? (Thực hiện phép cộng để tìm tổng)

Ví dụ:

$$\begin{array}{r} 652 \\ + 139 \\ \hline 791 \end{array}$$

– HS **làm** bài cá nhân.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm, khuyến khích HS **nói**: “Tổng của hai số hạng 652 và 139 bằng 791”.

Bài 2:

– **Tìm hiểu** bài.

- Yêu cầu của bài là gì? (**Số?**)
- Tìm thế nào? (**tính** tổng / hoặc viết số theo tổng các trăm, các chục và các đơn vị).

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích** (dựa vào cấu tạo thập phân của số).

Ví dụ: $500 + 20 + 6 = 526$ (đó là số gồm 5 trăm, 2 chục và 6 đơn vị: 526).

Bài 3: HS thực hiện theo nhóm đôi.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích** (theo ý nghĩa cấu tạo thập phân của số).

Ví dụ: số 738 gồm 7 trăm, 3 chục và 8 đơn vị.

...

Bài 4:

– **Tìm hiểu** bài.

- Yêu cầu của bài là gì? (**Tính**).
- Tính thế nào?

Lưu ý: GV giúp HS **nhận biết** để thuận tiện khi tính toán, luôn ưu tiên các kết quả là số **tròn trăm, tròn chục**.

Ví dụ: Khi tính tổng $632 + 118 + 247$, hai số hạng nào có tổng các đơn vị là số tròn chục? (**632** và **118**)

Ta sẽ tính tổng của hai số hạng này trước, rồi cộng tiếp với số hạng còn lại.

Ví dụ: $632 + 118 + 247 = 750 + 247 = 997$.

...

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm (tính tổng của hai số hạng nào trước, tại sao chọn như vậy).

Bài 5:

– **Tìm hiểu** bài:

- **Quan sát** hình vẽ, em **nhận biết** điều gì? (có 3 con gà, mỗi con gà có gắn một số, đó là số trứng của mình).
- Bài toán yêu cầu gì? (HS **đọc** yêu cầu của bài toán).

– HS thực hiện nhóm đôi: **Thảo luận** và **làm bài**.

HS có thể **thực hiện** như sau:

a) **Tổng** số trứng của gà nâu và gà trắng là thực hiện phép tính **cộng** với hai số hạng chính là số trứng của hai con gà nâu và trắng.

b) **Tổng** số trứng của ba con gà là thực hiện phép tính cộng với ba số hạng là số trứng của cả ba con gà.

– Sửa bài: GV khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

* Lưu ý: HS có thể lấy kết quả câu a cộng với số trứng của gà xám.

Bài 6: GV có thể vận dụng phương pháp nhóm các mảnh ghép: nhóm lẻ thực hiện câu a, nhóm chẵn thực hiện câu b.

– HS **xác định** cái đã cho và câu hỏi của bài toán, **xác định** các việc cần làm: **giải bài toán**.

– Sau khi chia sẻ, HS **trình bày**: GV khuyến khích HS **giải thích** vì sao chọn phép tính như vậy.

Thử thách

GV giới thiệu sơ lược: Quá trình sinh trưởng của con gà

– HS (nhóm 4) **tìm hiểu** bài, **nhận biết**:

The image shows three balance scales. The first scale has one hen on the left and two chicks on the right, with a label '? kg' next to one chick. The second scale has one hen on the left and three chicks on the right, with a label '? kg' next to one hen. The third scale has three chickens (one hen and two chicks) on the left and two weights (5 kg and 1 kg) on the right, with a label '? kg' next to one hen.

1 con gà mái cân nặng bằng 2 con gà giò

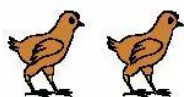
1 con gà trống cân nặng bằng 3 con gà giò

Cả ba con gà: 1 con gà trống, 1 con gà mái và 1 con gà giò cân nặng 6 kg

Tìm thế nào? (thay gà trống và gà mái bằng số gà giò tương đương)



Gà giò



Gà mái



Gà trống

6 con gà giò cân nặng 6 kg

Như vậy, 1 con gà giò cân nặng 1 kg;

1 con gà mái cân nặng 2 kg;

1 con gà trống cân nặng 3 kg.

Cả 3 con cân nặng 6 kg, vì $5 \text{ kg} + 1 \text{ kg} = 6 \text{ kg}$.

– Sau khi sửa bài, GV có thể cho HS nói vài đặc điểm về hình dáng bên ngoài của gà trống, gà mái.

CỦNG CỐ

GV đọc phép tính, HS thực hiện trên bảng con.

Ví dụ: $224 + 192$; $338 + 439$;